

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 19/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 59 /TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc Nghị quyết bổ sung 04 dự án vào danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Bổ sung danh mục 56 dự án phải thu hồi đất với tổng diện tích là 756,52 héc ta.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung danh mục 18 dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích là 27,27 héc ta.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Nghị quyết cập nhật quy hoạch sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đúng theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 7 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I: Danh mục bổ sung dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	NTS	ONT	ODT	DTT	SKC	DGT	DTL	TON	TIN	SON	MNC	CSD	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)	Huyện
	Tổng		756.52	26.78	139.58	519.65	5.76	5.32	25.74	0.76	0.20	0.55	3.80	0.06	0.07	0.01	0.58	2.18	25.48	215,531		
I	Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương		145.15	19.71	42.09	54.95	0.54	4.68	21.46		0.20		0.01	0.06		0.01			1.44	170,000		
1	Kênh Chinh Bắc (đoạn từ K10+670 đến K21+354) - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	27.14	4.16	6.36	10.75		1.20	3.50					0.05					1.12	30,000	Các xã Cư Yang, Ea Pal, Cư Prông	Huyện Ea Kar
2	Tuyến kênh Bắc - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	70.60	6.75	29.55	30.85	0.50	2.20	0.55		0.20									100,000	Các xã Cư Bông, Cư Yang, Ea Pal, Cư Prông	Huyện Ea Kar
3	Hạng mục 09 tuyến kênh cấp 1 thuộc tuyến kênh chính Nam - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	47.41	8.80	6.18	13.35	0.04	1.28	17.41				0.01	0.01		0.01			0.32	40,000	Các xã Cư Bông, Cư Elang, Ea Ô	Huyện Ea Kar
II	Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh		10.16	1.53	1.29	4.55		0.02	0.77			0.03	1.71		0.07		0.14		0.05	6,652		
4	Nâng cấp công trình thủy lợi K'Dun, xã Cư Êbur	DTL	1.93	0.63	0.65	0.65														1,693	Xã Cư Êbur	Thành phố Buôn Ma Thuột
5	Nâng cấp hồ 201, xã Cư Êbur	DTL	1.08	0.53	0.25	0.20			0.10											533	Xã Cư Êbur	Thành phố Buôn Ma Thuột

6	Đường liên huyện từ xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin đi xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana	DGT	3.09	0.07	0.29	0.05		0.02	0.66		0.03	1.71		0.07		0.14		0.05	504	Xã Hòa Hiệp	Huyện Cư Kuin
7	Nâng cấp đập Ea Kar, TT Ea Kar, huyện Ea Kar	CLN	0.30			0.30													700	Xã Ea Kmút	Huyện Ea Kar
8	Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp	DNL	3.35			3.35													1,072	Xã Ea Lê	Huyện Ea Súp
9	Cầu Cư Păm (Km21+050) Tỉnh lộ 9, huyện Krông Bông - Phần đường hai đầu cầu	DGT	0.01						0.01										2,000	Xã Hòa Tân	Huyện Krông Bông
10	Đường vào Thác Bim Bịp	DGT	0.40	0.30	0.10														150	Xã Bông Krang	Huyện Lắk
III	Dự án thực hiện từ ngân sách cấp huyện		38.51	2.89	5.59	7.87			0.71	0.56								20.90	38,879		
11	Mở rộng trường THCS Phạm Hồng Thái	DGD	0.08							0.08									15,520	Phường Thăng Lợi	Thành phố Buôn Ma Thuột
12	Đường Thủ Khoa Huân	DGT	0.01			0.01				0.01									370	Phường Thành Nhất	Thành phố Buôn Ma Thuột
13	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính xã Ea Kao	DGT	0.70						0.70										500	Xã Ea Kao	Thành phố Buôn Ma Thuột
14	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn An Ninh	DGT	0.20							0.20									690	Phường Ea Tam	Thành phố Buôn Ma Thuột
15	Mở rộng nghĩa trang thôn 3 - Buôn M'rê xã Hoà Phú (điều chỉnh lại diện tích)	NTD	2.70		1.61	1.09													2,997	Xã Hòa Phú	Thành phố Buôn Ma Thuột

16	Ủi thô 03 trục đường xung quanh Quảng trường Trung tâm thị xã	DGT	0.51			0.51													4,101	Phường An Lạc	Thị xã Buôn Hồ
17	Dự án mở rộng trường Mầm non Bông Sen xã Ea Tih	DGD	0.06		0.06														300	Xã Ea Tih	Huyện Ea Kar
18	Dự án mở rộng Trường Mầm non Sao Khuê xã Ea Đar	DGD	0.08		0.08														300	Xã Ea Đar	Huyện Ea Kar
19	Đường giao thông từ QL 26 đi trung tâm xã Ea Kmut	DGT	0.29			0.01			0.01	0.27									200	Xã Ea Kmut	Huyện Ea Kar
20	Đường giao thông từ trung tâm xã Ea Sô đi thôn 5, Buôn Ea Kông, Buôn Ea Puk, xã Ea Sô, huyện Ea Kar	DGT	0.30			0.30													200	Xã Ea Sô	Huyện Ea Kar
21	Đường vành đai bờ hồ Ea Kar	DGT	0.20			0.20													200	Thị trấn Ea Kar	Huyện Ea Kar
22	Cửa xả công thoát nước ngang dự án nâng cấp mở rộng đường qua thị trấn Ea Knốp đoạn Km 88+425,09-Km 91+383.70 quốc lộ 26	DTL	0.00							0.00									800	Thị trấn Ea Knốp	Huyện Ea Kar
23	Hệ thống thủy lợi cánh đồng Ea Tlit, xã Cư Elang	DTL	25.09		0.50	3.69											20.90		4,700	Xã Cư Elang	Huyện Ea Kar
24	Nâng cấp, sửa chữa công trình đập Ea Gin, xã Cư Né	DTL	2.32	0.51	0.75	1.06													701	Các xã Cư Né, Ea Sin	Huyện Krông Búk
25	Đường Tô Hiến Thành (đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Nguyễn Trường Tộ) và đường số 12	DGT	0.26	0.10	0.16														600	Thị trấn Phước An	Huyện Krông Pắc

26	Quảng trường chính và các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật tại khu công viên trung tâm hồ Tân An, thị trấn Phước An	DVH	3.81	2.28	1.53													5,500	Thị trấn Phước An	Huyện Krông Pắc
27	Bãi rác xã Buôn Tría	DRA	0.50		0.50													300	Xã Buôn Tría	Huyện Lắk
28	Nghĩa địa xã Buôn Tría	NTD	1.40		0.40	1.00												900	Xã Buôn Tría	Huyện Lắk
IV	Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước		562.70	2.65	90.61	452.29	5.22	0.62	2.80	0.20	0.52	2.08				0.44	2.18	3.09		
29	Mở rộng chợ Hòa Phú (điều chỉnh lại diện tích)	DCH	1.40		0.60				0.80										Xã Hòa Phú	Thành phố Buôn Ma Thuột
30	Đường giao thông nối Quốc lộ 26 (km145+800) - QL14 - Tỉnh lộ 8 (điều chỉnh lại diện tích)	DGT	6.50	0.02	0.21	3.94		0.41	1.74	0.18									Các phường Tân Hòa, Tân An và xã Ea Tu	Thành phố Buôn Ma Thuột
31	Dự án thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 26 (km145+800)- QL14 - Tỉnh lộ 8 theo hình thức PPP hợp đồng BT (điều chỉnh lại diện tích)	KDV	19.80		14.08	4.89						0.83								Thành phố Buôn Ma Thuột
32	Nâng công suất truyền tải ĐZ 110 kV TBA 220 kV Krông Búk - Buôn Ma Thuột	DTL	0.01	0.01															Xã Ea Tul	Thành phố Buôn Ma Thuột
33	Đường dây 110 kV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Jang Pông	DNL	0.10			0.10													Các xã Krông Na và Ea Huar	Huyện Buôn Đôn
34	Công viên Nghĩa trang Vĩnh Hằng	NTD	95.63		3.04	84.48	5.22					0.71					2.18		Xã Ea Nuól	Huyện Buôn Đôn

35	Dự án đầu nối 110 kV sau TBA 220 kV Krông Ana (Cư Kuin)	DNL	0.29		0.21	0.08													Các xã Dray Bhang và Ea Tiều	Huyện Cư Kuin
36	Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đăk Lăk	NKH	45.08		28.46	15.52					0.12					0.54			Xã Ea M'droh	Huyện Cư M'gar
37	Đường giao thông đoạn Quốc lộ 26 (Km 145+800) - Quốc lộ 14 - Tỉnh lộ 8, thành phố Buôn Ma Thuột	DGT	2.35			2.28					0.07								Xã Cư Suê	Huyện Cư M'gar
38	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar 2	DNL	13.73			13.73													Các xã Ea Tul, Cư Diê M' nông	Huyện Cư M'gar
39	Nhà máy điện gió Ea H'leo 1	DLN	140.00		18.20	121.80													Các xã Ea Nam, Ea Khal, Đliê Yang	Huyện Ea H'leo
40	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 10	DNL	14.98		1.69	12.25											1.04		Các xã Ea Khal, Ea Ral	Huyện Ea H'leo
41	Nhà máy điện gió tại huyện Ea H'leo 11	DNL	10.42			10.42													Các xã Ea Khal, Ea Ral; thị trấn Ea Drăng	Huyện Ea H'leo
42	Dự án đầu tư bổ sung một số đoạn tuyến của QL 26 và dự án BOT QL 26 đoạn qua tỉnh Đăk Lăk - giai đoạn đầu bổ sung	DGT	0.20		0.20														Các xã Ea Tih, Cư Huê	Huyện Ea Kar

43	Công trình: Tiêu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (JICA)	DNL	0.68					0.14	0.02	0.52									Các xã, thị trấn	Huyện Ea Kar
44	Đường dây 110 kV Ea Súp 1&2 (Cụm dự án điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp)	DNL	0.51			0.51													Xã Ia Lốp	Huyện Ea Súp
45	Đường dây 110 kV Ea Súp 3 (Cụm dự án điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp)	DNL	1.46			1.46													Xã Ia Lốp	Huyện Ea Súp
46	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 6	DNL	18.00		9.00	9.00													Các xã Cư Pong, Ea Ngai	Huyện Krông Búk
47	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 1	DNL	17.50		0.20	17.16										0.14			Các xã Cư Pong, Cư Kpô	Huyện Krông Búk
48	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 2	DNL	16.69			15.27										1.42			Các xã Cư Pong, Cư Kpô	Huyện Krông Búk
49	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 3	DNL	10.78			10.44										0.34			Xã Cư Né	Huyện Krông Búk
50	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 4	DNL	16.00			15.85										0.15			Xã Cư Né	Huyện Krông Búk
51	Nhà máy điện gió tại huyện Krông Búk 5	DNL	29.41		7.12	22.29													Các xã Ea Sin, Cư Né	Huyện Krông Búk
52	Đường dây 220 kV Krông Búk - Nha Trang mạch 2	DNL	0.49	0.02	0.03	0.33		0.02	0.09										Các xã Ea Dăh, Ea Hồ, Phú Xuân	Huyện Krông Năng

53	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 kV Krông Năng	DNL	0.11			0.08				0.03										Thị trấn Krông Năng và các xã Ea Tân, Diê Ya, Tam Giang, Ea Tam	Huyện Krông Năng
54	Lắp MBA T2 TBA 110 kV Krông Pắc	DNL	0.05			0.05				0.01										Thị trấn Phước An và các xã Ea Yông, Ea Phê, Hòa An	Huyện Krông Pắc
55	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ 3	DNL	87.53	2.60		84.93														Các xã Bình Thuận, Ea Siên, Cư Bao, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ (64,63 ha) và xã Ea Drong, huyện Cư M'gar (22,90 ha)	Thị xã Buôn Hồ và huyện Cư M'gar
56	Nhà máy điện gió tại các huyện Krông Búk, Krông Năng	DNL	13.00		7.57	5.43														Xã Tân Lập, huyện Krông Búk (10,21 ha) và xã Ea Hồ, huyện Krông Năng (2,79 ha)	Huyện Krông Búk và huyện Krông Năng

Phụ lục II: Danh mục bổ sung dự án đầu tư có sử dụng đất dưới 10 héc ta đất trồng lúa trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk*(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Huyện
	Tổng		27.27		
1	Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang mục đích khác theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân tại xã Ea Huar	ONT	0.25	Xã Ea Huar	Huyện Buôn Đôn
2	Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang mục đích khác theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân tại xã Ea Wer	ONT	0.20	Xã Ea Wer	Huyện Buôn Đôn
3	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân tại xã Tân Hòa	ONT	0.20	Xã Tân Hòa	Huyện Buôn Đôn
4	Đường liên huyện từ xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin đi xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana	DGT	0.07	Xã Hòa Hiệp	Huyện Cư Kuin
5	Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang mục đích khác theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân	CLN	0.29	Xã Cư Ni	Huyện Ea Kar
6	Kênh Chính Bắc (đoạn từ K10+670 đến K21+354) - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	4.16	Các xã Cư Yang, Ea Pal, Cư Prông	Huyện Ea Kar
7	Tuyến kênh Bắc - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	6.75	Các xã Cư Bông, Cư Yang, Ea Păl, Cư Prông	Huyện Ea Kar
8	Hạng mục 09 tuyến kênh cấp 1 thuộc tuyến kênh chính Nam - Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng	DTL	8.80	Các xã Cư Bông, Cư Elang, Ea Ô	Huyện Ea Kar
9	Cửa hàng xăng dầu Chiến Hương	TMD	0.06	Xã Ya Tờ Mốt	Huyện Ea Súp
10	Đường dây 220 kV Krông Búk - Nha Trang mạch 2	DNL	0.02	Các xã Ea Dăh, Ea Hồ, Phú Xuân	Huyện Krông Năng
11	Đường Tô Hiến Thành (đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Nguyễn Trường Tộ) và đường số 12	DGT	0.10	Thị trấn Phước An	Huyện Krông Pắc
12	Quảng trường chính và các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật tại khu công viên trung tâm hồ Tân An, thị trấn Phước An	DVH	2.28	Thị trấn Phước An	Huyện Krông Pắc
13	Đường vào Thác Bìm Bịp	DGT	0.30	Xã Bông Krang	Huyện Lắk
14	Nâng công suất truyền tải ĐZ 110 kV TBA 220 kV Krông Búk - Buôn Ma Thuột	DTL	0.01	Xã Ea Tul	Thành phố Buôn Ma Thuột

15	Đường giao thông nối Quốc lộ 26 (km145+800) - QL14 - Tỉnh lộ 8 (điều chỉnh lại diện tích)	DGT	0.02	Các phường Tân Hòa, Tân An và xã Ea Tu	Thành phố Buôn Ma Thuột
16	Nâng cấp công trình thủy lợi K'Dun, xã Cư Êbur	DTL	0.63	Xã Cư Êbur	Thành phố Buôn Ma Thuột
17	Nâng cấp hồ 201, xã Cư Êbur	DTL	0.53	Xã Cư Êbur	Thành phố Buôn Ma Thuột
18	Nhà máy điện gió tại huyện Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ 3	DNL	2.60	Các xã Bình Thuận, Ea Siên, Cư Bao, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ (64,63 ha) và xã Ea Drong, huyện Cư M'gar (22,90 ha)	Thị xã Buôn Hồ và huyện Cư M'gar